TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2017/DS-PT
Ngày 21-12- 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng nghị và kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:82/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1952; địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị N: Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Đinh Thị U, sinh năm 1949; địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Huỳnh Thị X, sinh năm 1978 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1966 (vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1970 (vắng mặt)

4. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

5. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1977 (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1980 (có mặt)

7. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1983 (vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1986 (vắng mặt)

9. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1989 (vắng mặt)

10. Chị Lê Thị T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

11. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1997 (vắng mặt)

12. Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 2001 (vắng mặt)

13. Ông Phạm Văn C, sinh năm 1943

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn C, sinh năm 1943: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

14. Chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1978

15. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1979

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1978: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

16. Bà Trần Thị N, sinh năm 1952; Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. (vắng mặt)

17. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

18. Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ. Địa chỉ: Ấp A, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Chí C, chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Đinh Thị U.

- *Có kháng nghị của:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của vợ chồng bà Võ Thị N và ông Nguyễn Hoàng L tự khai phá. Đến ngày 03/12/1998 thì ông L đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích là 74.160m^2 (trong đó có thửa đất số 253 tờ bản đồ số 05 với diện tích 26.180m^2). Đến năm 2002 thì ông Nguyễn Hoàng L chết, thửa đất số 253 của gia đình bà N trước đây giáp ranh với đất của bà Trần Thị N, năm 2004 thì bà N chuyển nhượng đất của bà N cho ông Mu Ham M, đến năm 2015 thì ông Mu Ham M chuyển nhượng lại cho bà Đinh Thị U nên hiện tại phần đất tranh chấp của bà giáp ranh với đất của bà Đinh Thị U. Giữa đất của bà N với đất của bà U hiện nay có một bờ kênh chung phân ranh, nhưng trong suốt quá trình sử dụng thì bà U cuốc đất lấn vào đường

bờ chung, bà N đã nhiều lần ngăn cản việc cuốc đất của bà U, nên từ đó hai bên phát sinh tranh chấp. Nay bà N khởi kiện yêu cầu bà U phải trả lại cho bà N diện tích đất tranh chấp qua đo đạc thực tế là 2.358,8m^2. Ngoài ra, bà N không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Đinh Thị U trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của bà Trần Thị N đã chuyển nhượng cho ông Mu Ham M vào khoảng năm 2004, đến ngày 28/9/2015 thì ông Mu Ham M đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất 17.540m^2 tại thửa 254 và thửa 255 tờ bản đồ số 05 với giá 500.000.000 đồng cho bà. Bà đã làm xong thủ tục chuyển nhượng đất với ông Mu Ham M tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Khi bà nhận chuyển nhượng đất của ông M thì hai bên không có đo đạc thực tế nhưng khi giao đất thì hai bên có mời những hộ lân cận ra để chỉ ranh trong đó có bà Võ Thị N cũng đứng ra chỉ ranh. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình bà đã sử dụng đúng với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng. Giữa đất của bà với bà N có một đường bờ phân ranh. Quá trình sử dụng bà có thuê xáng cuốc cuốc đường bờ để cải tạo vuông tôm của bà nhưng bên bà Võ Thị N không đứng ra ngăn cản. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là do quá trình cắm cột mốc phân ranh giữa hai bên không thống nhất, từ đó hai bên mới phát sinh tranh chấp. Nay bà U xác định bà đã sử dụng đất đúng với diện tích đất đã nhận chuyển nhượng của ông Mu Ham M, nên bà không đồng ý trả lại diện tích đất tranh chấp 2.358,8m^2 theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị X, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị R, ông Nguyễn Văn Th, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn M, chị Lê Thị T, chị Nguyễn Thị K và chị Nguyễn Thị Tr thống nhất với lời trình bày cua bà Võ Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn N thống nhất với lời trình bày của bà Đinh Thị U và anh không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu xác định: Ngày 21/8/2015, bà Võ Thị N có vay của Ngân hàng N số tiền vay là 50.000.000 đồng. Lãi tạm tính đến ngày 04/8/2017 là 3.500.417 đồng. Tổng cộng vốn lãi bà Võ Thị N còn thiếu Ngân hàng là 53.500.417 đồng, này phần đất thế chấp cho Ngân hàng phát sinh tranh chấp thì Ngân hàng yêu cầu bà N phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 04/8/2017 là 53.500.417 đồng là tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị N trình bày: Đất tranh chấp bà đã chuyển nhượng cho ông Mu Ham M vào khoảng năm 2004, nhưng bà không nhớ diện tích đất chuyển nhượng là bao nhiêu vì không có đo đạc thực tế. Nay giữa bà N và bà U tranh chấp với nhau thì bà không có liên quan gì. Bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày: Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông

Nguyễn Hoàng L tại thửa 253 tờ bản đồ số 05 với diện tích đất 26.180m^2 là đúng quy định pháp luật. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị N tại thửa 254, 255 tờ bản đồ số 05 với diện tích đất 17.540m^2 là phù hợp với trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị N đã lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà U và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đ xác nhận ngày 28/9/2015, việc chuyển nhượng là đúng theo trình tự, thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thời điểm năm 2015. Diện tích đất 88,4m^2 tại thửa 252 tờ bản đồ số 05 thì chưa ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được ông Nguyễn Hoàng L kê khai trên sổ mục kê ruộng đất năm 1995.

Từ những nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng khoản 7 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a và c khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 1, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2013; Điều 255 và Điều 256 Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N đối với bà Đinh Thị U về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.358,8m^2.

2. Buộc bà Đinh Thị U, ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Ch và ông Phạm Văn N phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị N diện tích đất 2.358,8m^2, trong đó có diện tích 2.270,4m^2 tại thửa 253 tờ bản đồ số 05 do ông Nguyễn Hoàng L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có diện tích 88,4m^2 tại thửa 252 tờ bản đồ số 05 do ông Nguyễn Hoàng L đứng tên kê khai trên sổ mục kê ruộng đất năm 1995; đất tọa lạc tại ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có tuyên vị trí tứ cạnh kèm theo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá tài sản tranh chấp và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, bị đơn bà Đinh Thị U kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 12 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Đinh Thị U giữ nguyên kháng cáo và Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Bạc Liêu giữ nguyên quyết định kháng nghị.

* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải

quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điêu 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà U, chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 16/12/2016, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp giữa bà N và bà U có vị trí, số đo cụ thể như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Ngô Hoàng P đang sử dụng có cạnh dài 9,8m;
- Hướng Tây giáp kênh Lợi Điền cạnh dài 1,8m;
- Hướng Nam giáp phần đất bà Võ Thị N đang sử dụng cạnh dài 409,38m;
- Hướng Bắc giáp phần đất của bà Đinh Thị U đang sử dụng cạnh dài 410,83m.

Tổng diện tích đất tranh chấp 2.358,8m^2 tại thửa 254, thửa 255, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Hiện trạng trên phần đất tranh chấp có một phần là đường bờ vuông nuôi trồng thủy sản giữa đất bà N và bà U và một phần là đất dưới mương hiện tại bà U đang sử dụng. Ngoài ra trên phần đất tranh chấp không có công trình hay vật kiến trúc nào khác.

[2] Xét nguồn gốc đất tranh chấp: Theo bà N xác định là của bà và chồng bà ông Nguyễn Hoàng L tự khai phá mà có, phần đất giáp ranh với phần đất của bà Trần Thị N, còn bà U thì xác định đất tranh chấp là của bà N chuyển nhượng cho ông Mu Ham M, sau đó ông M chuyển nhượng lại cho bà U.

[3] Hội đồng xét xử xét nội dung kháng cáo của bà U không đồng ý giao trả phần đất tranh chấp có diện tích 2.358,8m^2 cho bà N, vì bà U cho rằng phần đất trên do bà nhận chuyển nhượng của ông M và bà đã làm xong thủ tục chuyển nhượng đất với ông Mu Ham M tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Bà U xác định ngày 28/9/2015 bà nhận chuyển nhượng diện tích đất 17.540m^2 tại thửa 254 và thửa 255 tờ bản đồ 05 với giá 500.000.000 đồng từ ông M, khi nhận chuyển nhượng không có đo đạc thực tế, nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông M được cấp. Nhưng khi chuyển nhượng giữa bà và bà N có cắm trụ đá làm ranh với nhau nhưng hiện nay các trụ đá đã bị di dời không còn đúng vị trí như các bên đã cặm

ranh trước đây, còn bà N thì không thừa nhận có việc cặm trụ đá làm ranh. Xét thấy, ngoài lời trình bày ra bà U không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

[4] Theo kết quả đo đạc thực tế thì diện tích đất tranh chấp tại thửa 252, thửa 253 bà N đang sử dụng là 24.007,4m^2 (không tính phần diện tích đang tranh chấp) nhưng căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì tổng diện tích bà N được cấp và đăng ký trong sổ mục kê tại hai thửa đất trên là 29.700m^2. Như vậy, nếu tính phần diện tích đất tranh chấp 2.358,8m^2 thì gia đình bà N sử dụng thiếu 3.333,8m^2. Còn kết quả đo đạc thực tế diện tích đất bà U đang sử dụng theo sự chỉ ranh của bà U (không tính diện tích phần đất đang tranh chấp) có diện tích là 16.468,7m^2 tại thửa 254 và thửa 255, tờ bản đồ số 05, nhưng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị N đứng tên (đã lập thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà U) có diện tích là 17.540m^2. Tổng diện tích đất mà bà U sử dụng nếu tính cả phần đất đang tranh chấp 18.827,5m^2 là nhiều hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.287,5m^2 mà bà U được cấp.

[5] Mặt khác, căn cứ vào mảnh trích đo địa chính thửa đất ngày 07/3/2017 và Công văn số 1185/UBND ngày 24/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Đ thì diện tích đất tranh chấp nằm tại thửa đất số 252, tờ bản đồ số 05 do ông Nguyễn Hoàng L đứng tên và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật; đối với diện tích đất tại thửa 253, tờ bản đồ số 05 thì ông L đã kê khai trên sổ mục kê ruộng đất từ năm 1995. Như vậy, tổng diện tích đất tranh chấp 2.358,8m^2 không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị N (bà N đã lập thủ tục chuyển nhượng cho bà U) đồng thời bà N và bà U cũng không đăng ký kê khai đối với diện tích đất này. Xét thấy, bà U là người kháng cáo nhưng trong quá trình giải quyết cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bà U không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà do đó cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà U.

[6] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về án phí, xét thấy: Theo đơn khởi kiện của bà N chỉ yêu cầu bà U trả diện tích đất mà bà U đã lấn chiếm đồng thời trong quá trình tố tụng các đương sự không ai yêu cầu và Tòa án cũng không xem xét đến giá trị của phần đất tranh chấp. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: *"Trong trường hợp tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất của ai thì đương sự thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch"*. Như vậy, trong trường hợp chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N thì tuyên buộc bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bà U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5.460.000 đồng là không đúng quy định của pháp luật và ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà U.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, không có cơ sở chấp kháng cáo của bà Đinh Thị U, có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần bản án sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu về phần án phí.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm: Do có căn cứ sửa án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự bà U không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ khoản 7 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33, điểm a và c khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1, khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai sửa đổi, bổ sung năm 2013; Điều 255, Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đinh Thị U, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; sửa một phần bản án sơ thẩm số 38/2017/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị N đối với bà Đinh Thị U về việc tranh chấp quyền sử dụng đất diện tích 2.358,8m^2.

2. Buộc bà Đinh Thi U, ông Phạm Văn C, bà Nguyễn Thị Ch và ông Phạm Văn N có nghĩa vụ trả lại cho bà Võ Thị N diện tích đất 2.358,8m^2, trong đó có diện tích 2.270,4m^2 tại thửa số 253 tờ bản đồ số 05 do ông Nguyễn Hoàng L đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 88,4m^2 tại thửa 252 tờ bản đồ số 05 do ông Nguyễn Hoàng L đứng tên kê khai trên sổ mục kê ruộng đất năm 1995. Đất tọa lạc ấp M, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí như sau:

- Hướng Đông giáp phần đất của ông Ngô Hoàng P đang sử dụng có cạnh dài 9,8m;
- Hướng Tây giáp kênh Lợi Điền cạnh dài 1,8m;
- Hướng Nam giáp phần đất bà Võ Thị N đang sử dụng cạnh dài 409,38m;
- Hướng Bắc giáp phần đất của bà Đinh Thị U đang sử dụng cạnh dài 410,83m.

3. Án phí và chí phí thẩm định tại chỗ, định giá:

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Thị N không phải nộp, bà N đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004987 ngày 07/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

- Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Buộc bà Đinh Thị U phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Đinh Thị U không phải nộp. Bà U đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng tại biên lai thu số: 0006695, ngày 27/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

- Chi phí thẩm định tại chỗ và định giá với diện tích đất tranh chấp là 1.000.000 đồng. Bà Võ Thị N đã nộp xong, đã chi phí hết. Buộc bà Đinh Thị U phải hoàn lại cho bà Võ Thị N số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hanh án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Dũng

Nơi nhận:
- *TANDCC Tại TP HCM (02b);*
- *VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);*
- *VKSND Huyện ĐH (01b);*
- *Chi CTHADS huyện ĐH (01b);*
- *Các đương sự (14b);*
- *Lưu TDS, THC, VP (04b)*